

Số: 7765/BC-BKHĐT

Hà Nội, ngày 24 tháng 9 năm 2024

BÁO CÁO

Về tình hình thi hành và khó khăn, vướng mắc liên quan đến một số quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Quốc hội đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số Điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 và Nghị định số 59/2024/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2024; Chính phủ xin báo cáo về tình hình thi hành và khó khăn, vướng mắc liên quan đến một số quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu như sau:

1. Liên quan đến Luật Quy hoạch

Quá trình tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch trong thực tiễn đã có một số vướng mắc, khó khăn cần sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, cụ thể như sau:

1.1. Về hệ thống quy hoạch quốc gia

Phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch tại Điều 1 quy định việc lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, thực hiện, đánh giá, điều chỉnh quy hoạch trong hệ thống quy hoạch quốc gia.

Theo quy định tại Điều 5 thì hệ thống quy hoạch quốc gia bao gồm (i) quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia; (ii) quy hoạch vùng; (iii) quy hoạch tỉnh; (iv) quy hoạch đơn vị hành chính - kinh tế đặc biệt và (v) quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

Theo quy định tại khoản 9 Điều 3, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành là quy hoạch cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành bao gồm các quy hoạch được quy định tại Phụ lục II của Luật này.

Các quy định nêu trên có một số vướng mắc như sau:

- Quy hoạch có tính chất kỹ thuật chuyên ngành không thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia quy định tại Điều 5, do vậy không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch quy định tại Điều 1; nhưng lại được định nghĩa tại Điều 3 và liệt kê danh mục tại Phụ lục II dẫn đến các cách hiểu khác nhau về phạm vi điều chỉnh của Luật Quy hoạch, gây khó khăn, vướng mắc trong việc lập và thực hiện quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.
 - Quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành cụ thể hóa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh nhưng Điều 6 không quy định mối quan hệ giữa loại quy hoạch này với các quy hoạch khác thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia dẫn đến các cách hiểu khác nhau về vai trò, vị trí của loại quy hoạch này, chưa bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và liên kết của hệ thống quy hoạch và gây khó khăn, vướng mắc trong việc lập và thực hiện các quy hoạch.
 - Quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn thuộc hệ thống quy hoạch quốc gia theo quy định tại Điều 5 nhưng lại có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành do cụ thể hóa quy hoạch tỉnh (theo quy định khoản 9 Điều 3) và được lập theo quy định của pháp luật chuyên ngành (theo quy định tại Điều 28). Quy định này dẫn đến khó khăn trong việc áp dụng pháp luật để xác định vai trò, vị trí của quy hoạch đô thị và nông thôn và kinh phí cho hoạt động quy hoạch này. Nội dung này cũng đang được đề xuất sửa đổi tại Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đã trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp thứ 7, dự kiến thông qua tại kỳ họp thứ 8 (tháng 10 năm 2024), theo đó xác định rõ quy hoạch đô thị và nông thôn là quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành.
 - Điều 20 quy định một trong các căn cứ lập quy hoạch là quy hoạch cao hơn. Trong quá trình lập các quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030 đã có các cách hiểu khác nhau về việc quy hoạch cấp dưới phải chờ các quy hoạch cấp trên được phê duyệt hết mới có đủ căn cứ để lập, dẫn đến sự chậm trễ trong việc lập quy hoạch. Để khắc phục vướng mắc trên, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 giải thích khoản 1 Điều 6 và khoản 2 Điều 20 Luật Quy hoạch và các quy định này cũng đã được kế thừa tại điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 61/2022/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2022 về tiếp tục tăng cường hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật về quy hoạch.
- Do đó, trên cơ sở kế thừa quy định tại Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14, Nghị quyết số 61/2022/QH15 và thống nhất với Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đã trình Quốc hội; việc sửa đổi Điều 5, Điều 6 và Điều 20 là cần thiết để bảo đảm sự thống nhất, đồng bộ của hệ thống quy hoạch, xác định rõ mối quan hệ giữa các quy hoạch và làm rõ căn cứ để lập quy hoạch.

1.2. Về nhiệm vụ lập quy hoạch; quy trình lập quy hoạch, nội dung quy hoạch, kế hoạch thực hiện quy hoạch và trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch

- Về nhiệm vụ lập quy hoạch:

Theo Điều 15, Thủ tướng Chính phủ tổ chức thẩm định và thành lập Hội đồng “thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh”; nhưng theo khoản 2 Điều 29 thì Bộ Kế hoạch và Đầu tư thành lập Hội đồng “thẩm định quy hoạch tỉnh”. Như vậy, có sự không đồng bộ giữa thẩm quyền thành lập Hội đồng thẩm định “nhiệm vụ lập quy hoạch” và “quy hoạch” tỉnh. Do đó, cần sửa đổi quy định này theo hướng phân quyền thành lập Hội đồng thẩm định nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh của Thủ tướng Chính phủ cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất.

- Về quy trình lập quy hoạch:

Theo quy định tại điểm b khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều 16, cơ quan lập quy hoạch lựa chọn tư vấn “lập quy hoạch”; đồng thời, tại điểm c khoản 1 và điểm c khoản 3 Điều 16, các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan tổ chức lựa chọn tư vấn để “xây dựng các nội dung quy hoạch” đã được phân công và tổ chức thẩm định các nội dung này.

Việc triển khai lập quy hoạch thời kỳ 2021-2030 theo quy định nêu trên gặp vướng mắc trong phối hợp giữa cơ quan lập quy hoạch với cơ quan được giao xây dựng các nội dung quy hoạch để không có sự trùng lặp trong việc lập và thẩm định nội dung quy hoạch và quy hoạch.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 5 Điều 5 Luật Đầu tư công và khoản 9 Điều 9 Luật Ngân sách Nhà nước, vốn đầu tư công chỉ giao cho cơ quan lập quy hoạch, không giao vốn cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ được phân công xây dựng các nội dung quy hoạch; dẫn đến khó khăn, vướng mắc trong việc triển khai lập các nội dung quy hoạch.

Vì vậy, việc hoàn thiện quy định về quy trình lập quy hoạch là cần thiết để nâng cao hiệu quả trong việc phối hợp giữa cơ quan lập quy hoạch với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và địa phương liên quan trong lập và thẩm định quy hoạch; đồng thời bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước về quản lý chi phí.

- Về nội dung quy hoạch:

+ Một số thuật ngữ thuộc lĩnh vực thủy lợi và điện lực trong nội dung quy hoạch tỉnh chưa có sự thống nhất với Luật Thủy lợi, Dự thảo Luật Điện lực đã trình Quốc hội¹. Ngoài ra, nội dung liên quan đến quy hoạch đô thị và quy hoạch nông thôn được lập để cụ thể hóa quy hoạch tỉnh đang được sửa đổi tại Dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn đã trình Quốc hội. Do đó việc sửa đổi các quy định có liên quan là cần thiết để bảo đảm đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật về quy hoạch, tránh trùng lặp về nội dung giữa quy hoạch tỉnh với quy hoạch đô thị, quy hoạch nông thôn.

¹ Luật Điện lực hiện nay không có cụm từ “mạng lưới cấp điện”; “công trình cấp điện”; chưa thống nhất với các khái niệm với quy định của pháp luật về thủy lợi; pháp luật về quy hoạch đô thị; bao gồm cả công trình thủy lợi; hệ thống thoát nước, cấp nước.

+ Theo quy định tại các Điều 22, 23, 25, 26 và 27, nội dung quy hoạch bao gồm Danh mục dự án và thứ tự ưu tiên trong kỳ quy hoạch. Tuy nhiên, quy định này chưa bảo đảm tính định hướng của quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; đồng thời, trùng lặp với Danh mục dự kiến dự án theo kế hoạch đầu tư công trung hạn và các dự án đã được chấp thuận/quyết định chủ trương đầu tư... Trên thực tế, dự án có thể thuộc nhiều ngành nghề, lĩnh vực, có quy mô, phạm vi, tính chất khác nhau và không thể xác định được hết số lượng các dự án sẽ triển khai trong cả thời kỳ quy hoạch. Mặt khác, do biến động của tình hình kinh tế - xã hội, khả năng thu hút đầu tư... thứ tự ưu tiên thực hiện các dự án có thể thay đổi hoặc có thể phát sinh thêm dự án. Nếu xác định luôn các dự án trong quy hoạch và thứ tự ưu tiên thực hiện thì sẽ phải điều chỉnh quy hoạch nhiều lần mới có thể đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Do đó, việc sửa đổi quy định này là cần thiết để phản ánh đúng tính định hướng của các Danh mục dự án kèm theo; bảo đảm tính khả thi trong quá trình tổ chức, thực hiện quy hoạch.

- Về kế hoạch thực hiện quy hoạch:

Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 45, nội dung kế hoạch thực hiện quy hoạch bao gồm kế hoạch sử dụng đất có sự trùng lặp với kế hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 55 và khoản 1 Điều 56 thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Thủ tục theo quy định nêu trên chưa tạo được cơ chế linh hoạt trong chỉ đạo điều hành của địa phương trong quá trình tổ chức thực hiện quy hoạch. Mặt khác, một số nội dung của kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh (như dự án đầu tư công, dự án đầu tư sử dụng các nguồn vốn khác...) đã được phân quyền cho các địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Đầu tư.

Do đó, việc sửa đổi quy định tại Điều 55 và Điều 56 để phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt kế hoạch thực hiện quy hoạch tỉnh là cần thiết để tạo sự chủ động, linh hoạt cho địa phương trong quá trình thực hiện quy hoạch tỉnh.

- Về trình tự, thủ tục điều chỉnh quy hoạch:

Theo quy định tại Điều 54, việc điều chỉnh quy hoạch phải thực hiện đầy đủ thủ tục như đối với việc lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch mới, bao gồm *nhiệm vụ lập điều chỉnh quy hoạch, lập điều chỉnh quy hoạch, thẩm định quy hoạch...* (thời gian hoàn thành khoảng 2 đến 3 năm). Trên thực tế đã phát sinh nhiều tình huống cần điều chỉnh ngay quy hoạch như: thực hiện các Nghị quyết của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã hay việc triển khai thực hiện các dự án quan trọng quốc gia (các dự án đường cao tốc cần vật liệu để đắp nền trong khi các quy hoạch tỉnh không đáp ứng về số lượng, tiến độ,...) hoặc khi quy hoạch được lập đồng thời hay trong quá trình thực hiện quy hoạch phát hiện quy hoạch mâu

thuần với quy hoạch cấp cao hơn hoặc quy hoạch cùng cấp dẫn đến cần phải điều chỉnh ngay để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

Do vậy, việc bổ sung quy định về điều chỉnh quy hoạch theo trình tự, thủ tục rút gọn là cần thiết để bảo đảm đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1.3. Về kinh phí cho hoạt động quy hoạch

Điều 9 Luật Quy hoạch quy định về việc “sử dụng từ vốn đầu tư công” để lập quy hoạch; không quy định về việc sử dụng chi phí thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác để lập quy hoạch; không có quy định về chi phí cho quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành. Trong khi đó, pháp luật chuyên ngành trong một số lĩnh vực quy định về việc sử dụng nguồn chi phí chi thường xuyên để lập quy hoạch, hoặc một số quy định của pháp luật chuyên ngành lại quy định chi phí lập quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành thực hiện theo Luật Quy hoạch đã dẫn đến cách hiểu và thực hiện chưa thống nhất về nguồn chi phí đối với hoạt động quy hoạch.

Nghị quyết số 61/2022/QH15 đã cho phép sử dụng kinh phí chi thường xuyên theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt, công bố, điều chỉnh quy hoạch mà đến thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thi hành chưa được bố trí vốn, nhưng chưa quy định cụ thể việc lập, thẩm định quy hoạch sau khi Nghị quyết này có hiệu lực thi hành có được sử dụng kinh phí chi thường xuyên hay không, dẫn đến có nhiều cách hiểu khác nhau và vẫn chưa khắc phục được triệt để các vướng mắc về kinh phí cho hoạt động quy hoạch.

Do vậy, cần thiết sửa đổi quy định về chi phí cho hoạt động quy hoạch tại Điều 9 Luật Quy hoạch theo hướng bổ sung quy định cụ thể việc sử dụng nguồn vốn đầu tư công, nguồn chi thường xuyên và các nguồn vốn hợp pháp khác cho hoạt động quy hoạch, trong đó quy định cụ thể chi phí cho quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành để tạo sự đồng bộ, thống nhất trong việc sử dụng các nguồn ngân sách nhà nước phù hợp với tính chất của từng loại quy hoạch, từ đó đẩy nhanh tiến độ lập quy hoạch.

1.4. Về chế độ báo cáo

Việc “rà soát quy hoạch định kỳ 05 năm” tại Điều 52 và “đánh giá thực hiện quy hoạch định kỳ” tại Điều 49 có sự trùng lặp về nội dung, cơ quan và thời kỳ thực hiện.

Do đó cần sửa đổi để đơn giản hoá chế độ báo cáo, tiết kiệm thời gian và nguồn lực thực hiện.

1.5. Về khái niệm “dữ liệu có liên quan” của hệ thống thông tin quy hoạch

Theo quy định tại điểm c và d khoản 2 Điều 41, Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cung cấp “dữ liệu có liên quan” thuộc phạm vi quản lý để cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

Tuy nhiên, khoản 13 Điều 3 quy định “*Cơ sở dữ liệu về quy hoạch* là tập hợp thông tin thể hiện nội dung cơ bản về quy hoạch được xây dựng, cập nhật, duy trì để quản lý, khai thác và sử dụng thông qua các phương tiện điện tử”.

Như vậy, quy định nêu trên chưa có sự thống nhất về khái niệm cơ sở dữ liệu, dẫn đến vướng mắc khi triển khai nội dung này. Do đó, cần thiết phải chỉnh lý lại quy định về “*dữ liệu có liên quan*” để thống nhất với quy định về “*cơ sở dữ liệu về quy hoạch*”.

2. Liên quan đến Luật Đầu tư

2.1. Về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất tại điểm h khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư

Thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án hạ tầng khu công nghiệp của Thủ tướng Chính phủ đã được quy định và thực hiện xuyên suốt từ năm 2005 đến nay tại Luật Đầu tư năm 2005, Luật Đầu tư năm 2014 và Luật Đầu tư năm 2020.

Tổng kết 30 năm xây dựng và phát triển khu chế xuất, khu công nghiệp, khu kinh tế ở Việt Nam cho thấy, mặt được của việc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định nêu trên là đóng góp tích cực vào phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước², thu hút đầu tư nước ngoài một cách hiệu quả³ trong bối cảnh quy hoạch phát triển các khu công nghiệp chưa được xây dựng đồng bộ, quản lý chặt chẽ và năng lực quản lý của các địa phương còn hạn chế; phát triển đồng bộ, thống nhất hệ thống hạ tầng các khu công nghiệp phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của từng địa phương, phát huy lợi thế về vị trí địa lý và tiềm năng phát triển kinh tế của các vùng⁴; nâng cao hiệu quả sử dụng đất; quản lý chặt chẽ việc đầu tư xây dựng và chuyển nhượng dự án đầu tư kết cấu hạ tầng khu công nghiệp; tránh phát triển tràn lan khu công nghiệp ở các địa phương, gây thất thoát, lãng phí...

Thực hiện chủ trương hoàn thiện, cải cách thể chế theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và ý kiến chỉ đạo về đẩy mạnh phân cấp quản

² Hoạt động đầu tư tại KCN tạo tăng trưởng trong sản xuất công nghiệp, nâng cao giá trị xuất khẩu, tạo việc làm và đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước. Tỷ trọng giá trị xuất khẩu của doanh nghiệp tại KCN, KKT trong tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước đạt khoảng 6% (năm 1995) lên 19% (năm 2005), 50% (năm 2015) và 57% (năm 2018). Trong giai đoạn 2016-2020, giá trị xuất khẩu trung bình hàng năm của dự án trong KCN, KKT chiếm trên 55% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; KCN, KKT góp phần giải quyết việc làm cho gần 4 triệu lao động trực tiếp (chiếm 7,3% lực lượng lao động của cả nước), chuyển dịch cơ cấu lao động, tăng năng suất lao động và cải thiện chất lượng nguồn nhân lực; Tỷ lệ thu ngân sách nhà nước trên địa bàn KCN, KKT trong tổng thu NSNN tăng; giai đoạn 1996 - 2000, 4.508 tỷ đồng, chiếm 1,22% tổng thu NSNN; giai đoạn 2011 - 2015, 361.978 tỷ đồng, chiếm 12,7 % tổng thu trong nước (không bao gồm dầu thô). Số doanh nghiệp trong KCN, KKT trong 1000 doanh nghiệp nộp thuế nhiều nhất cả nước chiếm khoảng 20% hàng năm.

³ Tính lũy kế đến tháng 6/2021, các KCN, KKT trên cả nước đã thu hút được khoảng 10.148 dự án đầu tư trong nước và 10.921 dự án có vốn đầu tư nước ngoài còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư đăng ký tương ứng khoảng 2,51 triệu tỷ đồng và 229,8 tỷ USD. Trung bình hàng năm, vốn đầu tư nước ngoài trong KCN, KKT chiếm khoảng 35 - 40% tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký tăng thêm của cả nước; nếu tính riêng trong lĩnh vực chế biến, chế tạo thì vốn đầu tư nước ngoài trong KCN, KKT chiếm khoảng 75 - 85% tổng vốn đăng ký cả nước.

⁴ Đến tháng 6/2021, hệ thống khu công nghiệp, khu kinh tế đã được hình thành trên các vùng kinh tế của cả nước, 395 khu công nghiệp đã được thành lập, trong đó 285 KCN đã đi vào hoạt động và tỷ lệ lấp đầy đạt 58,9%.

lý nhà nước trong các lĩnh vực của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, việc thực hiện quy định chấp thuận chủ trương đầu tư nêu trên trong thời gian qua cũng đặt ra yêu cầu xem xét phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nội dung này bởi những lý do sau:

Một là, theo quy định của Luật Đầu tư và Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế, nội dung thẩm định dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp bao gồm đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch xây dựng khu công nghiệp đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; có trong Danh mục các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc quy hoạch chung xây dựng khu kinh tế đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với khu công nghiệp nằm trong ranh giới khu kinh tế; nhu cầu sử dụng đất; sơ bộ về hiệu quả kinh tế - xã hội của dự án; khả năng đáp ứng điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất; điều kiện về tỷ lệ lấp đầy của các khu công nghiệp...

Hầu hết những nội dung thẩm định này đều thuộc thẩm quyền xem xét của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật về đầu tư, xây dựng, quy hoạch, đất đai, lâm nghiệp và pháp luật có liên quan.

Trên thực tế, khi ban hành Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư các khu công nghiệp, Thủ tướng Chính phủ vẫn yêu cầu Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, các điều kiện về môi trường, quy hoạch... và chịu trách nhiệm toàn diện trong việc giám sát, quản lý hoạt động đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn.

Hai là, Luật Quy hoạch đã quy định việc tích hợp định hướng xây dựng khu công nghiệp vào quy hoạch vùng và phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp vào quy hoạch tỉnh. Theo quy định tại Điều 34 Luật Quy hoạch, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh. Như vậy, định hướng xây dựng và phương án phát triển khu công nghiệp là căn cứ để xem xét việc thành lập khu công nghiệp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ.

Quy định này tạo cơ chế để bảo đảm định hướng thực thi chính sách phát triển các khu công nghiệp của cơ quan Trung ương.

Ba là, Nghị định số 35/2022/NĐ-CP về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế đã được xây dựng và hoàn thiện theo hướng quy định cụ thể, minh bạch các tiêu chí, điều kiện thành lập, mở rộng khu công nghiệp (bao gồm tiêu chí về quy hoạch; tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...).

Ngoài ra, Luật Đất đai năm 2024 đã phân cấp thẩm quyền chuyển mục đích sử dụng đất lúa, đất rừng và chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; sửa đổi quy định về thu hồi đất đối với trường hợp thực hiện dự án khu công nghiệp theo hướng không yêu cầu dự án phải được Thủ tướng

Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Do vậy, việc phân quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp là phù hợp, đảm bảo sự đồng bộ về thẩm quyền trong triển khai thực hiện.

Việc đầu tư, thành lập, mở rộng khu công nghiệp sẽ được kiểm soát trên cơ sở phương hướng xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế và phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; và các yêu cầu, điều kiện về thành lập, mở rộng khu công nghiệp (*bao gồm tiêu chí về tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...*) theo Nghị định số 35/2022/NĐ-CP.

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt

Theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 31 Luật Đầu tư, Thủ tướng Chính phủ có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với: “*Dự án đầu tư xây dựng mới: bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt; bến cảng, khu bến cảng có quy mô vốn đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc cảng biển loại I*”. Theo đó, mọi dự án đầu tư xây dựng mới: **bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt**, không phân biệt quy mô vốn đầu tư đều phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư.

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 75 Bộ luật hàng hải, “*Cảng biển đặc biệt là cảng biển có quy mô lớn phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc liên vùng và có chức năng trung chuyển quốc tế hoặc cửa ngõ quốc tế*”.

Theo Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định 1579/QĐ-TTg ngày 22/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ, hiện cả nước có 02 cảng biển đặc biệt là cảng biển Hải Phòng và cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu. Trong đó, Cảng biển Hải Phòng hiện có khoảng 46 bến cảng, 82 cầu cảng; quy hoạch đến 2030 sẽ phát triển lên thành 69-73 bến cảng. Cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu có khoảng 55 bến cảng; quy hoạch đến 2030 sẽ phát triển lên thành 69-70 bến. Trong đó, một số bến có chức năng là cảng cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế là khu bến Lạch Huyện, khu bến Nam Đồ Sơn, Vạn Úc, khu bến Cái Mép⁵. Các bến cảng này là khâu quan trọng trong chuỗi cung ứng toàn cầu, nâng cao vị thế đối ngoại, nâng cao sức cạnh tranh quốc gia và có tính chất, ý nghĩa quan trọng về quốc phòng, an ninh, kinh tế biển, do đó, việc

⁵ Nhu cầu vốn đầu tư các bến này giai đoạn đến 2030 dự kiến như sau: khu bến Lạch Huyện 15.000 tỷ, khu bến Nam Đồ Sơn (giai đoạn khởi động) 15.000 tỷ, Khu bến cảng và Logistics Cái Mép Hạ 23.000 tỷ. Các bến cảng này là những cảng lớn kết nối các tuyến vận tải liên châu lục, và thường cũng là cửa ngõ ra vào các khu vực kinh tế rộng lớn thông qua việc kết nối các tuyến vận tải đường dài bằng tàu mẹ (mother ships) cùng với các tuyến ngắn hơn bằng tàu con (feeder ship).

trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư các bên này là phù hợp.

Tuy nhiên, trong 02 cảng biển đặc biệt nêu trên cũng có nhiều bến cảng quy mô nhỏ, không có chức năng trung chuyển quốc tế hoặc cửa ngõ quốc tế (như khu bến Sông Cẩm - Phà Rừng, khu bến Đình Vũ thuộc cảng biển Hải Phòng; khu bến Thị Vải, khu bến Sao Mai - Bến Đình, khu bến Sông Dinh, khu bến Long Sơn thuộc cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu...).

Hiện nay việc đầu tư, xây dựng cảng biển có thể được kiểm soát trên cơ sở phương án phát triển các cảng biển tại quy hoạch tỉnh, quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển và quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển và các yêu cầu, điều kiện về đầu tư xây dựng cảng biển (bao gồm tiêu chí về quy hoạch; các điều kiện sử dụng đất, xây dựng, bảo vệ môi trường...) theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP và Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải.

Mặt khác, điểm d khoản 1 Điều 31 và điểm a khoản 1 Điều 32 Luật Đầu tư đã phân quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư xây dựng bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển loại I có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng (mức vốn dự án nhóm A theo Luật Đầu tư công⁶).

Do vậy, tương tự các dự án xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất nêu trên, việc xem xét phân quyền cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng mới bến cảng, khu bến cảng thuộc cảng biển đặc biệt có quy mô vốn đầu tư dưới 2.300 tỷ đồng là phù hợp nhằm tạo điều kiện thuận lợi, chủ động cho các địa phương, hạn chế số lượng các dự án phải trình Thủ tướng Chính phủ.

- Về thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc phạm vi bảo vệ của di tích

Trong quá trình rà soát, xử lý vướng mắc trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các địa phương⁷ đã báo cáo một số khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đối với các dự án thuộc phạm vi khu vực bảo vệ II của di tích được cấp có thẩm quyền công nhận là di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới thuộc thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.

Theo đó, đối với các dự án xây dựng công trình, cơ sở lưu trú có quy mô nhỏ thuộc khu vực bảo vệ II của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới (như Đô thị cổ Hội An, di tích Cố đô Huế, Vịnh Hạ Long – quần đảo Cát Bà...) phải trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, làm tăng thủ tục hành chính đối với nhà đầu tư. Trên cơ sở đó, các địa phương đề nghị phân cấp

⁶ Điểm a khoản 2 Điều 8 Luật Đầu tư công quy định Dự án có tổng mức đầu tư từ 2.300 tỷ đồng trở lên thuộc lĩnh vực giao thông, bao gồm cầu, cảng biển, cảng sông, sân bay, đường sắt, đường quốc lộ là dự án nhóm A.

⁷ Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình, Quảng Ninh, Thừa thiên Huế...

thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với dự án đầu tư không phân biệt quy mô diện tích đất, dân số thuộc phạm vi **khu vực bảo vệ II** của di tích.⁸

Thực hiện chủ trương hoàn thiện, cải cách thể chế theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, ý kiến chỉ đạo về đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước trong các lĩnh vực của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, việc phân cấp thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án đầu tư thuộc phạm vi bảo vệ I, II của di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt có thể được xem xét theo những căn cứ sau:

Thứ nhất, đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống pháp luật. Hiện nay, dự thảo Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) đã mở rộng đối tượng công trình được triển khai thực hiện trong khu vực bảo vệ di tích, cụ thể là: (i) đối với khu vực bảo vệ I của di tích: được sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình trực tiếp phục vụ bảo vệ và phát huy giá trị di tích; (ii) đối với khu vực bảo vệ II của di tích: được sửa chữa, cải tạo, xây dựng công trình trực tiếp phục vụ bảo vệ và phát huy giá trị di tích; công trình kinh tế - xã hội.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Di sản văn hóa, việc xây dựng công trình bảo vệ và phát huy giá trị di tích ở khu vực bảo vệ II đối với di tích cấp tỉnh phải được sự đồng ý bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đối với di tích quốc gia và di tích quốc gia đặc biệt phải được sự đồng ý bằng văn bản của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Dự thảo Điều 29 Luật Di sản văn hóa (sửa đổi) quy định về việc chấp thuận chủ trương đầu tư dự án đầu tư, xây dựng công trình chỉ được thực hiện sau khi có ý kiến đồng ý bằng văn bản của Thủ tướng Chính phủ đối với khu vực bảo vệ I của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới; của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đối với khu vực bảo vệ II của di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia; của người đứng đầu cơ quan chuyên môn về văn hóa cấp tỉnh đối với di tích cấp tỉnh. Do đó, việc phát triển dự án thuộc phạm vi bảo vệ của di tích vẫn có thể được kiểm soát trên cơ sở thực thi hiệu quả cơ chế đồng thuận bằng văn bản của các cơ quan nêu trên.

Thứ hai, tăng cường hiệu quả và tính kịp thời trong quá trình phê duyệt dự án; giảm thiểu thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian chờ đợi phê duyệt dự án; tạo chủ động, linh hoạt cho địa phương trong việc xem xét và giải quyết các vấn đề liên quan đến chủ trương đầu tư.

Theo số liệu thống kê của ngành văn hóa, Việt Nam hiện có hơn 41.000 di tích, danh lam thắng cảnh, trong đó cấp có thẩm quyền đã xếp hạng hơn 11.000 di tích cấp tỉnh; 3.630 di tích cấp quốc gia; 133 di tích quốc gia đặc biệt, trong đó có 8 di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới (*Quần thể di tích Cố*

⁸ Báo cáo số 332/BC-BTP ngày 13/8/2024 của Bộ Tư pháp về rà soát vướng mắc hệ thống VBQPPL

đô Huế; Khu phố cổ Hội An; Khu đền tháp Mỹ Sơn; Khu Trung tâm Hoàng Thành Thăng Long – Hà Nội; Thành Nhà Hồ; Vịnh Hạ Long – Quần đảo Cát Bà; Vườn Phong Nha – Kẻ Bàng; Quần thể danh thắng Tràng An).

Trong đó, nhiều di tích, danh lam thắng cảnh được xếp hạng quốc gia, quốc gia đặc biệt có diện tích khu vực khoanh vùng bảo vệ I và khu vực khoanh vùng bảo vệ II rộng (như Danh lam thắng cảnh quốc gia đặc biệt Hồ Ba Bể, Vườn Quốc gia Cát Tiên, Khu di sản thiên nhiên Na Hang – Lâm Bình; Di tích quốc gia đặc biệt Quần thể Hương Sơn, Khu di tích Đền Hùng; Di tích quốc gia Làng cổ Đường Lâm, Làng cổ Phước Tích, Làng cổ Đông Hoà Hiệp)...

Như vậy, với số lượng các di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt, di tích quốc gia đặc biệt thuộc Danh mục di sản thế giới như trên, hồ sơ dự án đề nghị trình Thủ tướng Chính phủ sẽ tăng lên, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết thủ tục hành chính, làm chậm tiến độ thực hiện dự án, đưa nguồn lực vào phát triển kinh tế xã hội, đồng thời không tạo sự chủ động cho các địa phương...

Thứ ba, đảm bảo sự phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh trong bối cảnh hiện nay đã gần như hoàn thiện trên cả nước. Các dự án đầu tư được thẩm định sẽ phải phù hợp với quy hoạch, không xâm phạm hoặc gây ảnh hưởng tiêu cực đến di sản văn hóa, trong khi vẫn hỗ trợ mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

Theo quy định tại Điều 33 Luật Đầu tư năm 2020, Luật Đất đai năm 2024, hầu hết những nội dung thẩm định chấp thuận chủ trương đầu tư (bao gồm điều kiện giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, chuyển mục đích sử dụng rừng, đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội...) đều thuộc thẩm quyền xem xét của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Ngoài ra, điểm g khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư đã quy định về nội dung thẩm định chủ trương đầu tư bao gồm “đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với yêu cầu bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hóa và các điều kiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa”. Các nội dung này thuộc trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và cơ quan quản lý văn hóa, thể thao và du lịch tại địa phương.

Thứ tư, đảm bảo sự phù hợp với đặc trưng, tính chất của di sản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 32 Luật Di sản văn hóa, khu vực bảo vệ I và Khu vực bảo vệ II có nội hàm, tính chất và yêu cầu bảo vệ, tôn tạo khác nhau; di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt và di sản thế giới là các di tích được xếp hạng, quản lý, công nhận với giá trị tiêu biểu khác nhau.

Do vậy, đang có sự thiếu hợp lý trong quy định của Luật Đầu tư về việc trình Thủ tướng Chính phủ đối với: (i) các dự án thuộc Danh mục di sản thế giới mà không phân biệt khu vực bảo vệ I, khu vực bảo vệ II; (ii) các dự án đầu tư tại khu vực bảo vệ I mà không phân biệt di tích quốc gia, di tích quốc gia đặc biệt và di sản thế giới.

2.2. Về việc đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị khi thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 33 Luật Đầu tư, nội dung thẩm định đề nghị chấp thuận chủ trương bao gồm đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch đô thị... Tuy vậy, quy định này chưa xác định được cụ thể cấp độ quy hoạch đô thị, bao gồm quy hoạch chung, quy hoạch phân khu hay quy hoạch chi tiết làm cơ sở để thẩm định, đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư.

Theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, **đồ án quy hoạch phân khu** đã được phê duyệt là cơ sở để **xác định các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị và lập quy hoạch chi tiết**. Như vậy, các dự án đầu tư xây dựng trong đô thị sẽ được xác định trên cơ sở đồ án quy hoạch phân khu.

Theo quy định của Luật Quy hoạch đô thị năm 2009, đô thị loại V tương đương với thị trấn không phải lập quy hoạch phân khu (vì quy hoạch chung thị trấn được lập trên tỷ lệ 1/5000 tương đương với quy hoạch phân khu). Theo dự thảo Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn thì các đô thị loại III, IV, V không phải lập quy hoạch phân khu (quy hoạch phân khu sẽ được tích hợp vào quy hoạch chung). Do vậy, đối với trường hợp này, chỉ cần đánh giá sự phù hợp của dự án với quy hoạch chung.

Thực tiễn áp dụng quy định về thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư cho thấy, yêu cầu đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chi tiết tại giai đoạn chấp thuận chủ trương đầu tư là chưa thực sự phù hợp, bởi lẽ ở giai đoạn này cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ xem xét chấp thuận về mục tiêu, địa điểm, quy mô, tiến độ, thời hạn thực hiện dự án để thực hiện dự án đầu tư... Do vậy, để tạo cơ sở pháp lý thực hiện thống nhất, thuận lợi cho nhà đầu tư trong việc thẩm định đề xuất chủ trương đầu tư dự án, đề nghị bổ sung quy định hướng dẫn nội dung này theo hướng đối với quy hoạch đô thị, nội dung thẩm định phải có đánh giá về sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch phân khu; trường hợp dự án được đề xuất tại khu vực không phải lập quy hoạch phân khu theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị hoặc quy hoạch phân khu phải điều chỉnh và chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì đánh giá sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch chung.

2.3. Về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư

- Trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu có nhiều yếu tố bất ổn và thách thức, các quốc gia đang cạnh tranh gay gắt để ổn định, khuyến khích và thu hút đầu tư, tập trung mạnh vào lĩnh vực công nghệ cao, trong đó chú trọng các lĩnh vực đang là xu hướng của thế giới như chip, bán dẫn, trí tuệ nhân tạo. Nhiều quốc gia như Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Ấn Độ, Trung Quốc, các quốc gia Châu Âu, nhiều nước trong khu vực Asean như Singapore, Malaysia, Indonesia, Thái Lan đều ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư đa dạng và hấp dẫn, áp dụng song song chính sách ưu đãi dựa trên thu nhập (miễn, giảm thuế) và ưu đãi dựa trên chi phí với các gói hỗ trợ lên đến nhiều tỷ

USD. Nhờ sự phản ứng nhanh trong việc đổi mới chính sách, các quốc gia này, đặc biệt là các nước gia trong khu vực Đông Nam Á đã thu hút được các dự án quy mô rất lớn trong lĩnh vực công nghệ cao.

Tại Việt Nam, mặc dù thu hút đầu tư nước ngoài vẫn tăng trưởng qua các năm gần đây nhưng số lượng dự án quy mô vốn đầu tư lớn với hàm lượng công nghệ cao còn khiêm tốn. Trong khi đó, việc áp dụng thuế thu nhập tối thiểu toàn cầu đã làm suy giảm mạnh sức hấp dẫn trong thu hút dự án quy mô lớn, có sức lan tỏa. Một số doanh nghiệp đã thông báo chính thức tạm chưa triển khai hoặc sẽ cân nhắc kế hoạch đầu tư mới, mở rộng tại Việt Nam. Một số tập đoàn lớn đã đến khảo sát, nghiên cứu đầu tư, nhưng chưa lựa chọn Việt Nam hoặc chờ đợi để theo dõi phản ứng chính sách của Chính phủ.

- Thực hiện nhiệm vụ được Quốc hội và Thủ tướng Chính phủ giao, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tổng kết việc thi hành pháp luật về ưu đãi và hỗ trợ đầu tư (xin trình kèm theo dự thảo Báo cáo tổng kết). Kết quả cho thấy:

+ Việc khuyến khích, thu hút đầu tư của Việt Nam hiện nay dựa trên chính sách ưu đãi đầu tư (miễn, giảm thuế, nghĩa vụ tài chính cho nhà đầu tư) và chính sách hỗ trợ đầu tư (nhà nước bỏ chi phí để bù đắp chi phí cho nhà đầu tư trong một số hoạt động như phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực... được quy định tại Điều 18 Luật Đầu tư). Các chính sách này được áp dụng trên cơ sở tiêu chí ngành, nghề (lĩnh vực) và địa bàn khuyến khích đầu tư theo quy định tại Chương III Luật Đầu tư và Chương III Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Mức ưu đãi cụ thể đối với từng loại ưu đãi đầu tư áp dụng theo quy định của pháp luật về thuế, kế toán và đất đai. Các hỗ trợ đầu tư thực hiện theo từng quy định riêng của Chính phủ trên cơ sở định hướng, khả năng bố trí nguồn lực trong từng giai đoạn, thời kỳ.

+ Về cơ bản, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư của Việt Nam có tính cạnh tranh trong khu vực. Nhờ đó, cùng với các lợi thế so sánh như: kinh tế chính trị ổn định; tăng trưởng kinh tế cao và ổn định; vị trí địa lý chiến lược; hội nhập quốc tế sâu rộng vào nền kinh tế thế giới và khu vực; Chính phủ “hành động, thân thiện, đồng hành, chia sẻ” với cộng đồng doanh nghiệp; chi phí sản xuất cạnh tranh; nguồn lao động dồi dào, thị trường tiềm năng..., Việt Nam đã đạt nhiều thành tựu lớn trong việc thu hút ĐTNN, với việc dòng vốn ĐTNN liên tục tăng qua các năm.

Tuy nhiên, chính sách này còn dàn trải, thiếu đa dạng, chưa bắt kịp với các chính sách tiên tiến, thông lệ quốc tế và đặc biệt là không còn tác dụng trong thu hút dự án lớn, tập đoàn đa quốc gia trong bối cảnh áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu.

Với mục tiêu thu hút vốn ĐTNN (giai đoạn 2021-2025 khoảng 150 - 200 tỉ USD, 30 - 40 tỉ USD/năm; giai đoạn 2026 - 2030 khoảng 200 - 300 tỉ USD, 40 - 50 tỉ USD/năm) và trong bối cảnh cạnh tranh thu hút đầu tư hiện nay, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thấy rằng Việt Nam cần sớm ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư mới hướng

đến các dự án quy mô lớn, có sức lan toả trong lĩnh vực công nghệ cao thông qua Quỹ hỗ trợ đầu tư để tạo đột phá, có chọn lọc trong thu hút đầu tư, đảm bảo vị thế cạnh tranh; giữ chân và thu hút các Tập đoàn với chuỗi cung ứng và mạng lưới doanh nghiệp vệ tinh lớn, có ảnh hưởng và tác động lan toả lớn đến sự phát triển kinh tế-xã hội. Chính sách này cần đủ mạnh để thay thế các chính sách thu hút đầu tư bị mất hiệu lực do áp dụng thuế thu nhập tối thiểu toàn cầu; đồng thời bảo đảm yêu cầu không nhằm bù đắp cho các nhà đầu tư thuộc phạm vi áp dụng của thuế tối thiểu toàn cầu và thể hiện tinh thần “thiện chí đồng hành” của Chính phủ Việt Nam đối với nhà đầu tư trong bối cảnh tình hình quốc tế thay đổi.

Hiện nay, Chính phủ đang hoàn thiện dự thảo Nghị định về thành lập, quản lý và sử dụng Quỹ hỗ trợ đầu tư để trình xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 18 Luật Đầu tư về việc thành lập Quỹ Hỗ trợ đầu tư để tạo cơ sở pháp lý cho việc ban hành Nghị định này.

2.4. Về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư

Điều 48 Luật Đầu tư đã quy định về việc chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư, trong đó bao gồm việc chấm dứt hoạt động liên quan đến tiến độ thực hiện. Tuy vậy, yêu cầu/điều kiện chấm dứt hoạt động chưa được quy định rõ ràng, đầy đủ hoặc chưa thực sự phù hợp trong một số trường hợp, cụ thể là:

Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 48, cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoạt động trong trường hợp dự án bị thu hồi đất do **không đưa đất vào sử dụng, chậm đưa đất vào sử dụng** theo quy định của pháp luật về đất đai.

Quy định này liên quan đến các dự án đã được giao đất, cho thuê đất, nhưng không áp dụng để chấm dứt hoạt động đối với các dự án chậm tiến độ nhiều năm do nhà đầu tư chưa triển khai thực hiện thủ tục giao đất, cho thuê đất hoặc không phối hợp trong việc thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng để hoàn thành thủ tục đất đai, dẫn đến tình trạng “dự án treo”, dự án chậm tiến độ nhiều năm so với tiến độ tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư...

Bên cạnh đó, theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 48 và khoản 2 Điều 47 Luật Đầu tư thì cơ quan đăng ký đầu tư chấm dứt hoạt động trong trường hợp nhà đầu tư **không thực hiện đúng nội dung** chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tiếp tục vi phạm mà không có khả năng khắc phục điều kiện ngừng hoạt động.

Theo quy định này, trường hợp nội dung chấp thuận chủ trương đầu tư, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư không được thực hiện đúng là **tiến độ thực hiện** dự án đầu tư thì điều kiện để chấm dứt hoạt động là đã bị cơ quan nhà nước quyết định **ngừng hoạt động** mà không có khả năng khắc phục.

Tuy vậy, yêu cầu về việc ngừng hoạt động trong trường hợp này không thực sự phù hợp vì sẽ làm chậm thêm tiến độ thực hiện dự án, không giải quyết được **mục tiêu/điều kiện cần** khắc phục trong trường hợp dự án đã bị chậm tiến độ, dẫn

đến vướng mắc khi xem xét việc khắc phục điều kiện ngừng hoạt động để chấm dứt hoạt động đối với dự án đầu tư, bởi lẽ việc khắc phục hậu quả như buộc tiếp tục thực hiện dự án đầu tư theo tiến độ tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư là không khả thi sau khi bị ngừng hoạt động...

Vướng mắc nêu trên đã được nhiều địa phương⁹ phản ánh trong quá trình rà soát hệ thống văn bản quy phạm pháp luật theo Nghị quyết số 101/2023/QH15 và trong khuôn khổ Tổ công tác đặc biệt về rà soát, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc đối với dự án đầu tư theo Quyết định số 1242/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Do vậy, việc sửa đổi quy định về chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư tại Điều 47 và Điều 48 Luật Đầu tư là cần thiết nhằm góp phần giải quyết tình trạng nhiều dự án không triển khai thực hiện trong nhiều năm, giải phóng nguồn lực đất đai để phát triển kinh tế - xã hội...

2.5. Về việc thực hiện thủ tục đầu tư đặc biệt

Tuy đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, góp phần quan trọng vào quá trình cải thiện, tăng cường khả năng cạnh tranh của môi trường đầu tư kinh doanh, khai thông, thu hút và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển nhưng thủ tục về đầu tư nhìn chung vẫn còn hạn chế. Thủ tục đầu tư không chỉ được quy định trong Luật Đầu tư mà còn được quy định trong nhiều luật khác nhau như đất đai, xây dựng, môi trường, chuyển giao công nghệ, phòng cháy chữa cháy... Việc thực hiện thủ tục về đầu tư kéo dài qua nhiều bước, nhiều khâu liên quan đến quy định của pháp luật trong nhiều lĩnh vực khác nhau chưa đáp ứng được yêu cầu mới đặt ra trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt trong việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược, đặc biệt là trong các lĩnh vực công nghiệp bán dẫn, công nghệ cao, trí tuệ nhân tạo,... Ở một số quốc gia, ngoài việc hoàn thiện các chính sách ưu đãi đầu tư, việc nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược trên cơ sở áp dụng các thủ tục hành chính đặc biệt đã và đang được thực hiện ở các mức độ khác nhau ...

Tại Việt Nam, việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược trong một số lĩnh vực như xây dựng trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D); đầu tư nghiên cứu và hỗ trợ chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ tự động hóa, công nghệ vật liệu mới, năng lượng sạch... đã được áp dụng trong các Nghị quyết thí điểm cơ chế, chính sách đặc thù tại một số địa phương như TP. Hồ Chí Minh, Khánh Hòa, Đà Nẵng, ... Tuy nhiên, các dự án nói trên vẫn thực hiện theo các thủ tục đầu tư thông thường theo quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu, đất đai, xây dựng, môi trường, phòng cháy chữa cháy...

Trên thực tế, nhiều nhà đầu tư chiến lược trong các lĩnh vực công nghệ cao đang đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu, tìm kiếm cơ hội đầu tư và xúc tiến các dự

⁹ Cao Bằng, Bắc Giang, Hưng Yên, Ninh Bình, Nghệ An, Hà Tĩnh, Bình Thuận, Trà Vinh...

án đầu tư có quy mô lớn tại Việt Nam. Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt như hiện nay, việc áp dụng thủ tục đầu tư hiện hành đối với các trường hợp này có thể làm mất đi cơ hội trong việc thu hút các nhà đầu tư chiến lược vào các lĩnh vực cần ưu tiên thu hút đầu tư.

Theo đó, thời gian thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng, môi trường, chuyển giao công nghệ, phòng cháy chữa cháy thường mất nhiều thời gian. Mỗi thủ tục lại có yêu cầu riêng về hồ sơ, trình tự và thời gian, một số thủ tục lại quy định nhiều bước thực hiện (thủ tục xây dựng), một số thủ tục phải thực hiện tuần tự, kết quả của thủ này là đầu vào của thủ tục khác. Tính trung bình, thời gian để thực hiện đầy đủ các thủ tục nêu trên kéo dài từ khoảng 250 ngày đến 350 ngày. Trên thực tế, thời gian thực hiện thủ tục có thể kéo dài hơn do độ trễ vì phải hoàn thiện các hồ sơ và tài liệu có liên quan.

Do vậy, cần xây dựng, bổ sung quy định về quy trình, thủ tục đầu tư đặc biệt nhằm rút ngắn thời gian thực hiện thủ tục đối với các dự án này nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc thu hút đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao..., các lĩnh vực đặc biệt khuyến khích đầu tư, nhất là các nhà đầu tư chiến lược là cần thiết và cấp bách.

3. Liên quan đến Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Trong hơn 03 năm thực hiện Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Luật PPP), có 31 dự án mới đang được triển khai thực hiện và 11 dự án đang chuẩn bị đầu tư theo phương thức PPP. Những dự án này đều là các dự án trọng điểm, quy mô lớn của quốc gia, địa phương với tổng mức đầu tư khoảng 380.000 tỷ đồng, nhu cầu sử dụng khoảng 190.000 tỷ vốn nhà nước. Các dự án PPP mới triển khai theo quy định của Luật PPP dự kiến sẽ hình thành khoảng 1000 km đường cao tốc, 02 cảng hàng không tiêu chuẩn cấp 4C, 03 công trình xử lý chất thải rắn cấp đặc biệt, 03 nhà máy cung cấp nước sạch, góp phần mở rộng, nâng cấp các công trình kết cấu hạ tầng giao thông, kinh tế - xã hội của các địa phương.

Bên cạnh các kết quả đạt được, việc thực hiện các dự án theo quy định của Luật PPP còn tồn tại một số hạn chế, bất cập sau:

3.1. Về lĩnh vực đầu tư theo phương thức đối tác công tư

Theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP, dự án đầu tư theo phương thức PPP được thực hiện trong 05 lĩnh vực giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện; thủy lợi, cung cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải, xử lý chất thải; y tế, giáo dục - đào tạo và hạ tầng công nghệ thông tin.

Thực tiễn thu hút đầu tư theo phương thức PPP của các Bộ, ngành, địa phương trong thời gian qua cho thấy, việc liệt kê cụ thể một số ít các lĩnh vực theo quy định nêu trên của Luật PPP còn thiếu tính linh hoạt, chưa đáp ứng nhu cầu đa dạng trong triển khai thực hiện phương thức này. Hiện nay, một số Bộ, ngành, địa phương có tiềm năng và điều kiện thu hút đầu tư theo phương thức PPP trong một số lĩnh vực khác, nhưng lại chưa được quy định tại Luật PPP. Trên thực tế, một số

địa phương đã được áp dụng phương thức PPP đối với lĩnh vực văn hóa, thể thao, đầu tư xây dựng chợ... theo các Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm áp dụng cơ chế đặc thù phát triển của địa phương (như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Đà Nẵng).

Nhằm đa dạng hoá các lĩnh vực có tiềm năng và đáp ứng nhu cầu, điều kiện thu hút đầu tư theo phương thức PPP của một số ngành, địa phương, cần xem xét sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật PPP để mở rộng lĩnh vực đầu tư theo phương thức PPP.

3.2. Về quy mô vốn đầu tư tối thiểu để thực hiện dự án PPP

Theo quy định tại Điều 4 Luật PPP, quy mô vốn đầu tư tối thiểu để thực hiện dự án trong lĩnh vực giao thông vận tải; lưới điện, nhà máy điện; thủy lợi; cung cấp nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; xử lý chất thải; hạ tầng công nghệ thông tin là 200 tỷ đồng. Riêng dự án trong lĩnh vực y tế, giáo dục-đào tạo và dự án thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn thì tổng mức đầu tư tối thiểu là 100 tỷ đồng.

Thực tiễn thu hút đầu tư của một số Bộ, ngành, địa phương cho thấy, hạn mức vốn này là khá cao đối với lĩnh vực y tế, giáo dục, chưa tạo cơ chế mở, thông thoáng để huy động tối đa nguồn lực từ khu vực tư nhân phù hợp với điều kiện của từng ngành, địa phương, nhất là đối với các dự án có quy mô nhỏ, nhưng địa phương có nhu cầu đầu tư và thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư do có khả năng kinh doanh.

Để phù hợp với điều kiện đặc thù của việc thực hiện dự án PPP trong từng lĩnh vực cụ thể, cần xem xét sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 4 Luật PPP theo hướng hạ mức quy mô tối thiểu hoặc bãi bỏ quy định về hạn mức quy mô tối thiểu để các cơ quan chủ động, linh hoạt khi áp dụng phương thức PPP trong từng dự án cụ thể.

3.3. Về loại hợp đồng BT

Từ năm 1997 đến nay, quy định của pháp luật về loại hợp đồng BT có nhiều thay đổi, đặc biệt là quy định về hình thức thanh toán cho nhà đầu tư thực hiện dự án BT, cụ thể là:

- Trước năm 2014, áp dụng cả hai hình thức thanh toán bằng tiền và bằng quỹ đất theo Nghị định 108/2009/NĐ-CP;
- Kể từ năm 2014, Nghị quyết số 01/NQ-CP năm 2014 của Chính phủ và Nghị định 15/2015/NĐ-CP đã dừng thực hiện hình thức thanh toán bằng tiền;
- Kể từ năm 2018, hình thức thanh toán bằng quỹ đất theo cơ chế ngang giá đã được luật hoá tại Luật Quản lý và sử dụng tài sản công;
- Kể từ năm 2021, hợp đồng BT không áp dụng đối với dự án đầu tư mới.

Việc dừng thực hiện dự án BT theo Luật PPP xuất phát từ những bất cập của

việc thực hiện loại hợp đồng này, như: *một số dự án không có mục tiêu đầu tư phù hợp, không cần thiết; giá trị công trình BT được xác định không chính xác, đa số dự án có suất đầu tư cao hơn so với dự án sử dụng vốn đầu tư công; việc lựa chọn nhà đầu tư chủ yếu được thực hiện thông qua hình thức chỉ định thầu không cạnh tranh; công tác giám sát bị xem nhẹ dẫn đến chất lượng công trình không bảo đảm...*

Mặc dù còn tồn tại một số bất cập nhưng theo đánh giá của nhiều Bộ, ngành, địa phương, các dự án BT được thực hiện trong thời gian trước khi Luật PPP có hiệu lực thi hành vẫn có một số đóng góp nhất định trong việc hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng tại các địa phương, huy động được nguồn lực của khu vực tư nhân, giúp giảm áp lực về vốn đầu tư công. Bên cạnh đó, các dự án đối ứng được thanh toán đầu tư cũng góp phần đáng kể cho việc cải thiện cơ sở hạ tầng về nhà ở, dịch vụ, hình thành các đô thị mới, khu dân cư mới...

Do vậy, nếu mô hình này được nghiên cứu kỹ lưỡng để đổi mới toàn diện, khắc phục tối đa những bất cập của giai đoạn trước thì vẫn có thể phát huy được hiệu quả. Hiện nay, Quốc hội đã cho phép 03 địa phương được thí điểm triển khai loại hợp đồng BT, gồm: Tp. Hồ Chí Minh, Tp. Hà Nội và Nghệ An. Tuy nhiên, cách thức áp dụng còn chưa thống nhất, tùy thuộc vào điều kiện đặc thù của từng địa phương, cụ thể là:

- Thành phố Hồ Chí Minh được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (sử dụng ngân sách Thành phố).
- Nghệ An được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (sử dụng ngân sách nhà nước hoặc tiền thu từ đấu giá tài sản công, đấu giá quyền sử dụng đất).
- Thành phố Hà Nội được áp dụng cơ chế BT thanh toán bằng tiền (ngân sách thành phố) hoặc thanh toán bằng quỹ đất.

Trong bối cảnh việc huy động nguồn vốn đầu tư từ ngân sách ngày càng khó khăn và nhu cầu đầu tư cho phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng tăng mạnh, cần xem xét tiếp tục áp dụng loại hợp đồng BT theo hướng đổi mới, hoàn thiện cơ chế thực hiện loại hợp đồng này.

3.4. Về việc áp dụng hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu

Theo Nghị quyết số 437/NQ-UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các dự án đường bộ đầu tư theo hình thức hợp đồng BOT chỉ áp dụng đối với các tuyến đường mới để bảo đảm quyền lựa chọn cho người dân, không đầu tư các dự án cải tạo, nâng cấp các tuyến đường độc đạo hiện hữu.

Trên cơ sở đó, Luật PPP (khoản 4 Điều 45) quy định không áp dụng loại hợp đồng thu phí trực tiếp từ người sử dụng (hợp đồng BOT) đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa, vận hành, kinh doanh công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng hiện hữu.

Thực tiễn triển khai ở một số địa phương cho thấy, nhiều tuyến đường giao thông trục chính, cửa ngõ, kết nối vùng... cần mở rộng để đáp ứng nhu cầu lưu thông, giảm ùn tắc, tai nạn giao thông, góp phần phát triển kinh tế, xã hội của địa phương cũng như các tỉnh lân cận. Tuy nhiên, ngân sách địa phương không đảm bảo được nhu cầu huy động đầu tư mở rộng các tuyến đường này.

Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Tp. Hồ Chí Minh đã cho phép Thành phố áp dụng loại hợp đồng BOT đối với dự án đầu tư xây dựng nâng cấp, mở rộng, hiện đại hóa công trình đường bộ hiện hữu, phù hợp theo quy hoạch được phê duyệt đối với loại đường phố chính đô thị, đường trên cao.

Chính sách này cũng được quy định tại Luật Đường bộ năm 2024, trong đó cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT đối với các dự án đường bộ cao tốc hiện hữu hoặc đường bộ đang khai thác được cải tạo, nâng cấp thành đường cao tốc nhưng phải bảo đảm quyền lựa chọn của người sử dụng.

Do vậy, cần xem xét sửa đổi quy định tại khoản 4 Điều 45 Luật PPP theo hướng cho phép áp dụng loại hợp đồng BOT đối với dự án cải tạo, nâng cấp, mở rộng công trình hiện hữu kèm theo điều kiện cụ thể để áp dụng đối với dự án thuộc tất cả các lĩnh vực. .

3.5. Về tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP

Theo quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật PPP, tỷ lệ vốn nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP được quy định ở mức không quá 50% tổng mức đầu tư của dự án. Nguồn vốn này được sử dụng để hỗ trợ xây dựng công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng thuộc dự án PPP và chi trả kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tái định cư; hỗ trợ xây dựng công trình tạm.

Hiện nay, một số dự án đang được Bộ Giao thông vận tải và các địa phương khẩn trương chuẩn bị đầu tư theo chỉ đạo của Chính phủ nhằm tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội cho một số vùng, miền còn khó khăn. Các dự án này có nhu cầu vận tải giai đoạn đầu chưa cao nên cần có sự tham gia vốn nhà nước nhiều hơn để đảm bảo tính khả thi khi thu hút đầu tư theo phương thức PPP. Trong khi đó, một số dự án chỉ tính riêng chi phí giải phóng mặt bằng, tái định cư đã vượt quá 50% tổng mức đầu tư của dự án.

Để tháo gỡ vướng mắc cho một số địa phương, Quốc hội đã cho phép áp dụng tỷ lệ vốn nhà nước tham gia dự án đầu tư theo phương thức PPP được vượt quá 50% tổng mức đầu tư tại Luật Thủ đô và một số Nghị quyết thí điểm cơ chế đặc thù (Thành phố Hồ Chí Minh, Nghệ An, Thái Bình, Cao Bằng).

Do vậy, cần xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 69 Luật PPP quy định về tỷ lệ vốn tối đa của Nhà nước tham gia dự án PPP theo hướng cho phép Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định áp dụng tỷ lệ vốn Nhà nước tham gia trong dự án PPP cao hơn 50% nhưng không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án thuộc một trong các trường hợp cụ thể.

3.6. Về nguồn vốn thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp chấm dứt hợp đồng trước thời hạn

Theo quy định tại Điều 52 Luật PPP, kinh phí mua lại doanh nghiệp dự án PPP hoặc bồi thường chấm dứt hợp đồng được bố trí từ **nguồn vốn nhà nước** trong 02 trường hợp chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước thời hạn, gồm: (i) trường hợp vì lợi ích quốc gia, bảo đảm yêu cầu về quốc phòng, an ninh quốc gia, bảo vệ bí mật nhà nước hoặc (ii) trường hợp do cơ quan ký kết hợp đồng vi phạm nghiêm trọng việc thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

Quy định nêu trên còn thiếu rõ ràng trong việc xác định rõ nguồn vốn nhà nước cụ thể được bố trí để mua lại doanh nghiệp dự án PPP hoặc bồi thường chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, dẫn tới không có trình tự, thủ tục để cân đối, bố trí vốn nhà nước thanh toán trong các trường hợp này. Mặt khác, thực tiễn phát sinh trong thời gian vừa qua cho thấy, một số trường hợp cần phải chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do sự kiện bất khả kháng, hoàn cảnh thay đổi cơ bản và cũng cần Nhà nước chi trả một phần chi phí với nhà đầu tư để bảo đảm hài hòa lợi ích của các bên. Tuy nhiên, quy định tại Luật PPP hiện không cho phép bố trí vốn nhà nước để chi trả trong trường hợp này. Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định để bổ sung trường hợp được sử dụng vốn nhà nước để chi trả khi chấm dứt hợp đồng trước thời hạn do hoàn cảnh thay đổi cơ bản, đồng thời làm rõ nguồn thanh toán và trình tự, thủ tục tương ứng, bảo đảm có cơ sở pháp lý rõ ràng để thanh toán cho các nhà đầu tư.

3.7. Về nguồn vốn thanh toán trong trường hợp chia sẻ giảm doanh thu

Theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật PPP, chi phí xử lý cơ chế chia sẻ phần giảm doanh thu được sử dụng từ nguồn dự phòng ngân sách trung ương đối với dự án do Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, người đứng đầu cơ quan trung ương, cơ quan khác quyết định chủ trương đầu tư hoặc dự phòng ngân sách địa phương đối với dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định chủ trương đầu tư.

Tuy nhiên, nguồn dự phòng ngân sách nhà nước phụ thuộc vào nguồn thu ngân sách hằng năm nên cần bổ sung các nguồn vốn khác để xử lý rủi ro giảm doanh thu của các dự án PPP trong trường hợp không bố trí được nguồn dự phòng ngân sách nhà nước.

Do vậy, cần xem xét sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 82 Luật PPP theo hướng quy định bổ sung nguồn vốn khác để xử lý rủi ro giảm doanh thu của các dự án PPP.

3.8. Về việc thực hiện dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền

Theo quy định tại khoản 3 Điều 5 Luật PPP, trong trường hợp dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền thì Thủ tướng Chính phủ quyết định giao cho một cơ quan có thẩm quyền.

Điều 12 Luật PPP quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự

án PPP của Quốc hội, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh; tuy nhiên chưa xác định rõ thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư đối với những dự án thuộc phạm vi quản lý của nhiều cơ quan có thẩm quyền.

Hiện nay, dự thảo Luật Đầu tư công (sửa đổi) dự kiến sửa đổi, bổ sung quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư công.

Do vậy, cần sửa đổi quy định về thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP để bảo đảm đồng bộ với pháp luật về đầu tư công; đồng thời bổ sung quy định về việc phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp tỉnh của địa phương được Thủ tướng Chính phủ giao làm cơ quan có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư dự án PPP trên phạm vi từ hai đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương.

3.9. Về thẩm quyền thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 6 Luật PPP, Hội đồng thẩm định liên ngành được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

Thực tế cho thấy, việc Hội đồng thẩm định liên ngành tiếp tục thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi, sau khi đã thẩm định Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đã làm giảm tính chủ động của các địa phương (là cơ quan có thẩm quyền quyết định phê duyệt dự án thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ); đồng thời tạo gánh nặng cho Hội đồng thẩm định liên ngành.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 6 Luật PPP theo hướng phân cấp Hội đồng thẩm định cấp cơ sở (do Bộ trưởng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập) thực hiện nhiệm vụ thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi dự án PPP dự án do Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư nhằm nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của địa phương.

3.10. Về việc thực hiện các thủ tục trong quá trình chuẩn bị dự án, lựa chọn nhà đầu tư, ký kết hợp đồng và triển khai dự án sau khi ký kết hợp đồng

Theo quy định tại các Điều 11 và 28 Luật PPP, việc chuẩn bị đầu tư và đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư được thực hiện lần lượt theo trình tự: lập báo cáo nghiên cứu khả thi sau khi đã có chủ trương đầu tư và lập hồ sơ mời thầu sau khi báo cáo nghiên cứu khả thi được duyệt. Thực tế cho thấy, để đơn giản hóa thủ tục và rút ngắn thời gian chuẩn bị dự án, các thủ tục này có thể thực hiện đồng thời mà không nhất thiết phải theo trình tự lần lượt từng bước nêu trên.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 57 Luật PPP, sau khi ký kết hợp đồng, doanh nghiệp dự án PPP tổ chức lập thiết kế xây dựng sau thiết kế cơ sở của công trình dự án PPP theo quy định của pháp luật về xây dựng. Tuy nhiên, đối với dự án PPP sử dụng vốn nhà nước theo cách thức tách thành “tiểu dự án”, việc thực hiện tiểu

dự án sử dụng vốn nhà nước phải tuân thủ quy định của pháp luật về đầu tư công. Hiện nay, dự án đầu tư xây dựng đường vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội đang gặp vướng mắc trong việc xác định chủ thể lập thiết kế xây dựng triển khai sau thiết kế cơ sở, dự toán của tiểu dự án sử dụng vốn nhà nước và thời điểm phê duyệt thiết kế.

Do vậy, cần làm rõ nội dung này theo hướng đối với tiểu dự án sử dụng vốn nhà nước trong dự án PPP, cơ quan có thẩm quyền sẽ tổ chức lập, thẩm định thiết kế kỹ thuật và dự toán đồng thời với quá trình lựa chọn nhà đầu tư, bảo đảm trước khi ký kết hợp đồng thì tài liệu này phải được phê duyệt; sau khi ký kết hợp đồng, doanh nghiệp dự án PPP sẽ tổ chức lập thiết kế bản vẽ thi công.

3.11. Về việc thực hiện dự án áp dụng loại hợp đồng O&M

Các Điều 11 và 19 Luật PPP quy định về quy trình thực hiện và nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi áp dụng thống nhất đối với tất cả các dự án PPP, bao gồm cả dự án đầu tư theo loại hợp đồng O&M. Tuy nhiên, đây là một loại hợp đồng mới, có tính chất đặc thù, được thực hiện để khai thác, kinh doanh, quản lý công trình, hệ thống cơ sở hạ tầng đã có sẵn (không có cấu phần xây dựng). Với tính chất đặc thù như vậy, nội dung báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi, cơ chế quản lý hợp đồng cũng có nhiều yếu tố khác biệt. Do vậy, việc triển khai thực hiện dự án PPP theo loại hợp đồng này trong thời gian qua gặp nhiều vướng mắc, không thể áp dụng trong thực tế.

Để tháo gỡ khó khăn, tạo thuận lợi trong quá trình chuẩn bị dự án áp dụng loại hợp đồng O&M, cần sửa đổi, bổ sung quy định về việc thực hiện hợp đồng O&M theo hướng giản lược hơn so với các hợp đồng truyền thống khác (như Hợp đồng BOT), bảo đảm phù hợp với điều kiện đặc thù, khác biệt của loại dự án này (không có cấu phần xây dựng).

3.12. Về thanh toán, quyết toán phần lãi vay sau giai đoạn xây dựng đối với các dự án BT thanh toán bằng tiền

Theo quy định tại khoản 2 Điều 134 Luật Xây dựng, nội dung tổng mức đầu tư xây dựng gồm chi phí xây dựng, thiết bị, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, quản lý dự án, tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và trượt giá; **không bao gồm** các khoản chi phí phát sinh sau thời gian xây dựng (như chi phí lãi vay chờ thanh toán, lợi nhuận của nhà đầu tư được tính từ khi dự án hoàn thành...).

Hiện nay, một số hợp đồng BT thanh toán bằng tiền do Bộ Giao thông vận tải và một số địa phương làm cơ quan Nhà nước có thẩm quyền được ký kết trong giai đoạn Nghị định số 108/2009/NĐ-CP có hiệu lực thi hành đang gặp vướng mắc trong việc thanh toán, quyết toán do các quy định nêu trên của Luật Xây dựng và Nghị định số 99/2021/NĐ-CP chỉ áp dụng đối với việc thanh toán, quyết toán các chi phí trong thời gian xây dựng. Đối với các chi phí **sau** thời gian xây dựng, mặc dù được thể hiện trong phương án tài chính, đã được cấp có thẩm quyền cho phép và được cơ quan Nhà

nước có thẩm quyền thoả thuận với nhà đầu tư trong Hợp đồng dự án, nhưng không thuộc nội dung tổng mức đầu tư theo quy định của pháp luật về xây dựng nên không có cơ sở để thanh toán và quyết toán, thanh lý hợp đồng do chưa hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ, trách nhiệm liên quan.

Nếu vướng mắc trên không được tháo gỡ thì đề xuất tiếp tục thực hiện loại hợp đồng BT thanh toán bằng tiền cũng sẽ gặp vướng mắc tương tự. Do vậy, cần bổ sung quy định vào khoản 5 Điều 101 Luật PPP để cho phép các dự án BT chuyển tiếp được thanh toán chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng, lợi nhuận hợp lý được xác định trong phương án tài chính tại hợp đồng đã ký kết.

Hiện nay, Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24/6/2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh đã cho phép Thành phố áp dụng loại hợp đồng BT thanh toán bằng ngân sách nhà nước, trong đó quy định: *chi phí lãi vay sau thời gian xây dựng và lợi nhuận hợp lý được tính vào tổng mức đầu tư dự án (điểm d khoản 5 Điều 4).*

3.13. Về việc áp dụng Luật PPP đối với dự án đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành

Theo quy định tại khoản 4 Điều 101 Luật PPP, Hợp đồng dự án được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng dự án.

Trên thực tế, các hợp đồng được ký kết trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành đều có nội dung thỏa thuận căn cứ quy định tại Nghị định số 108/2009/NĐ-CP, Nghị định số 15/2015/NĐ-CP và Nghị định số 63/2018/NĐ-CP và một số văn bản khác có hiệu lực tại thời điểm ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, hiện nay một số hợp đồng dự án có yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung nhưng không thể thực hiện vì các văn bản nêu trên không có quy định áp dụng đối với nội dung sửa đổi, bổ sung.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định về việc áp dụng Luật PPP đối với dự án đã ký kết hợp đồng trước thời điểm Luật PPP có hiệu lực thi hành.

3.14. Về việc thanh toán cho nhà đầu tư trong trường hợp hợp đồng BT đã được ký kết nhưng có nội dung chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng

Theo nguyên tắc quy định tại điểm c khoản 5 Điều 101 Luật PPP thì Hợp đồng dự án BT được ký kết trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành được tiếp tục thực hiện theo quy định của hợp đồng và pháp luật tại thời điểm ký kết hợp đồng. Tuy nhiên, thực tế đã phát sinh trường hợp một số hợp đồng dự án được ký kết chưa phù hợp với quy định của pháp luật tại thời điểm ký kết nhưng Luật PPP cũng như các Nghị định quy định chi tiết Luật này đều không có quy định hoặc quy định thiếu rõ ràng để xử lý các trường hợp này, dẫn đến vướng mắc trong quá trình thực hiện. Những vướng mắc phổ biến là: (i) chưa làm rõ tiêu chí xác định “Hợp đồng đã ký kết đúng quy định của pháp luật” và cơ quan có trách nhiệm xác

định; (ii) trường hợp hợp đồng được ký kết chưa đúng thì trách nhiệm thuộc về nhà đầu tư hay của cơ quan quan có thẩm quyền¹⁰; (iii) nguyên tắc xử lý trong trường hợp hợp đồng được ký kết không đúng quy định.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại Điều 101 Luật PPP để xử lý các vướng mắc này.

4. Liên quan đến Luật Đấu thầu

Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 5 đã tạo dựng khung pháp lý thống nhất, đồng bộ, góp phần tháo gỡ khó khăn trong quá trình thực hiện hoạt động đấu thầu lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư.

Tuy nhiên, trong hơn một năm kể từ ngày được Quốc hội thông qua và thực tiễn 7 tháng thi hành Luật Đấu thầu năm 2023 cho thấy, quy trình, thủ tục đấu thầu theo quy định của Luật này mặc dù đã được cải cách mạnh mẽ nhưng vẫn cần tiếp tục xem xét sửa đổi theo hướng đẩy mạnh phân cấp, phân quyền và đơn giản hóa hơn nữa nhằm đáp ứng các yêu cầu phát sinh trong thực tiễn, cụ thể là:

Một là, quy trình, thủ tục lựa chọn nhà thầu đối với gói thầu, dự án sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các đối tác phát triển, nhà tài trợ nước ngoài chưa bảo đảm hài hòa hóa với quy định của các nhà tài trợ, dẫn đến vướng mắc, kéo dài thời gian trong quá trình đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận vay nước ngoài.

Hai là, thực tiễn đã phát sinh một số dự án, gói thầu không thể lựa chọn nhà thầu theo các hình thức quy định tại Luật này mà cần áp dụng cơ chế đặc thù, riêng biệt để đáp ứng yêu cầu cấp bách, đẩy nhanh tiến độ thực hiện (như gói thầu thẩm định giá tài sản cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra; lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài; gói thầu phục vụ đón đoàn khách cấp cao nước ngoài thăm chính thức và làm việc tại Việt Nam có yêu cầu cấp bách và phải bảo đảm an ninh, bảo mật...).

Ba là, một số nội dung trong quy trình, thủ tục đấu thầu hiện nay vẫn có thể xem xét đơn giản hóa, phân cấp, phân quyền hơn nữa để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu (như phân cấp người có thẩm quyền tự quyết định và chịu trách nhiệm về việc lựa chọn nhà thầu được áp dụng trường hợp đặc biệt, rút ngắn thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu đối với gói thầu dịch vụ tư vấn, bổ sung các tổ chức khác là đối tượng được tham dự thầu để tăng tính cạnh tranh...).

Do đó, việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu là hết sức cần thiết, cấp bách nhằm kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện Luật; tiếp tục đơn giản hóa hơn nữa quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu, cắt giảm thời gian, chi phí trong hoạt động đấu thầu;

tăng cường phân cấp quyết định các nội dung trong quy trình, thủ tục đấu thầu nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu.

Những hạn chế, vướng mắc cụ thể được phân tích chi tiết dưới đây.

4.1. Về một số hoạt động đấu thầu được thực hiện trước khi dự án, điều ước quốc tế được phê duyệt, ký kết (đấu thầu trước)

- Đối với gói thầu sử dụng nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ:

Điều 42 Luật Đấu thầu năm 2023 đã quy định chủ đầu tư được thực hiện một số hoạt động trước khi điều ước quốc tế, thỏa thuận về vốn ODA, vốn vay ưu đãi được ký kết nhưng chỉ cho phép thực hiện trước việc lập, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ mời thầu, xác định danh sách ngân, không bao gồm việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu và ký hợp đồng.

Hiện nay, một số nhà tài trợ, đặc biệt là các nhà tài trợ song phương châu Âu (Đan Mạch, Hungary, Áo, Bỉ, Phần Lan, Tây Ban Nha...) có yêu cầu phải ký kết trước hợp đồng thương mại như một điều kiện ràng buộc để đàm phán, ký kết điều ước quốc tế, thỏa thuận vay. Nếu vướng mắc này không được giải quyết thì việc huy động nguồn vốn từ đa số các nước châu Âu sẽ không thể thực hiện được (ước tính giá trị vốn theo cam kết tại các Hiệp định khung và các đề xuất dự án khoảng 550 triệu USD trong 3-5 năm tới).

- Đối với các gói thầu thuộc dự án khác, không phải là dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài:

Hiện nay, Luật Đấu thầu năm 2023 chưa có quy định về việc thực hiện trước một số hoạt động đấu thầu. Theo quy định hiện hành, việc lựa chọn nhà thầu cung cấp hàng hóa, phi tư vấn, xây lắp để phục vụ công tác đền bù, giải phóng mặt bằng, di dời công trình hạ tầng... **chỉ được thực hiện sau khi có quyết định phê duyệt dự án**. Tuy nhiên, thực tế cho thấy, trong quá trình chuẩn bị đầu tư vẫn có thể tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu nêu trên trước khi dự án được phê duyệt để đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu.

4.2. Về lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

a) Về các gói thầu được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

Luật Đấu thầu (Điều 29) đã quy định một số gói thầu được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án, gói thầu có yêu cầu cấp bách và có tính đặc thù, riêng biệt mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu đã được quy định tại Luật. Quy định này được luật hóa trên cơ sở Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, quá trình thực hiện Luật đã phát sinh yêu cầu phải xem xét bổ sung một số trường hợp khác như sau:

- *Gói thầu thẩm định giá tài sản cần thực hiện gấp theo yêu cầu của cơ quan điều tra:*

Việc tổ chức lựa chọn nhà thầu gói thầu này nếu thực hiện theo các hình thức quy định của Luật Đấu thầu sẽ không có nhà thầu tham dự do tính chất của các vụ án điều tra thường nhạy cảm, phức tạp, nhà thầu có tâm lý e ngại, không muốn tham dự thầu. Trường hợp phải xử lý tình huống trong đấu thầu để gia hạn thời gian đóng thầu sẽ kéo dài thời gian lựa chọn nhà thầu, gây ảnh hưởng, đình trệ đến tiến độ điều tra, xử lý các vụ án hình sự. Ban Chỉ đạo trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đã yêu cầu Chính phủ nghiên cứu, trình Quốc hội xem xét bổ sung trường hợp áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với gói thầu này.

- *Gói thầu tổ chức các hội nghị, hội thảo có yêu cầu cấp bách:*

Trên thực tế, gói thầu này đã được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo Quyết định số 17/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, nhưng chưa được quy định tại Luật Đấu thầu năm 2023. Các bộ, ngành, địa phương đều kiến nghị bổ sung trường hợp này nhằm tạo sự linh hoạt, chủ động, đơn giản hóa thủ tục, tiết kiệm thời gian trong đấu thầu cho chủ đầu tư, bên mời thầu.

- *Gói thầu sản xuất phim:*

Nội dung gói thầu bao gồm việc lựa chọn diễn viên, kịch bản phim phải gắn với bản quyền của biên kịch... không thể áp dụng một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu.

Ngoài ra, một số trường hợp khác đã phát sinh yêu cầu bổ sung áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt để đáp ứng tính riêng biệt, đặc thù mà không thể áp dụng các hình thức lựa chọn nhà thầu khác như:

- *Gói thầu phục vụ công tác đối ngoại và mua tặng phẩm đối ngoại cho Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Bộ trưởng đi công tác nước ngoài:*

Gói thầu này có tính đặc thù cao vì đề án chính trị, đề án lễ tân... thường được phê duyệt gần sát ngày diễn ra lễ đón khách quốc tế nên tiến độ thường phải thực hiện gấp; việc lựa chọn nhà thầu cũng phải đáp ứng yêu cầu của đối tác nước ngoài, phải bảo đảm an ninh, bảo mật.

- *Gói thầu mua dịch vụ các công ty xếp hạng tín dụng quốc tế, gói thầu mua dịch vụ hệ thống thanh toán quốc tế được cung cấp độc quyền bởi Hiệp hội viễn thông tài chính liên ngân hàng toàn cầu (SWIFT); gói thầu mua dịch vụ của các công ty cung cấp dịch vụ thông tin tài chính – tiền tệ quốc tế và nền tảng giao dịch.*

+ Gói thầu mua dịch vụ của công ty xếp hạng tín dụng (mua quyền khai thác trực tuyến thông tin từ các công ty xếp hạng có uy tín trên thế giới) có tính đặc thù chuyên môn cao trong lĩnh vực phân tích tài chính quốc tế và đòi hỏi nền tảng kỹ thuật hiện đại, cho phép truy cập khối lượng dữ liệu lớn, bảo mật thông tin khách

hàng, không phải bất kì công ty xếp hạng tín dụng nào cũng đáp ứng. Hiện nay, chỉ có 3 công ty Moody's, S&P và Fitch đáp ứng yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước và việc sử dụng dịch vụ của các công ty này trong thời gian tới là cần thiết, bảo đảm cho công tác quản lý dự trữ ngoại hối được an toàn, hiệu quả. Trường hợp tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và công ty xếp hạng nhỏ trúng thầu thì một số đối tác của Ngân hàng Nhà nước không được xếp hạng, ảnh hưởng tới danh mục đầu tư, hiệu quả quản lý dự trữ ngoại hối.

+ Đối với gói thầu mua dịch vụ hệ thống thanh toán quốc tế, việc lựa chọn nhà thầu theo quy định của Luật Đấu thầu cũng không khả thi do: (i) Hiệp hội SWIFT không phải là nhà thầu và sẽ không tham gia đấu thầu; (ii) Dịch vụ qua hệ thống SWIFT là dịch vụ độc quyền; (iii) Hình thức đặt hàng trực tiếp (e-order) qua trang điện tử của Hiệp hội SWIFT không giống với bất kỳ hình thức lựa chọn nhà thầu nào theo quy định của Luật Đấu thầu.

+ Gói thầu mua dịch vụ của các công ty cung cấp dịch vụ thông tin tài chính – tiền tệ quốc tế và nền tảng giao dịch có tính đặc thù do hiện nay trên thế giới chỉ có hai hãng Bloomberg và Refinitiv đồng thời tích hợp đầy đủ các dịch vụ về thông tin tài chính và công cụ để thực hiện giao dịch đầu tư trên thị trường. Dịch vụ chuyên nghiệp của Refinitiv và Bloomberg được các định chế tài chính sử dụng rộng rãi trên thị trường quốc tế cũng như tại Việt Nam và khó có lựa chọn thay thế vì các ngân hàng trên thế giới cũng như đối tác của Ngân hàng Nhà nước đều sử dụng hai nền tảng này để giao dịch. Do đây là các công ty quốc tế có phạm vi hoạt động và dịch vụ được sử dụng trên toàn cầu nên thường không sẵn sàng tham gia các hoạt động đấu thầu.

- Gói thầu lựa chọn luật sư cung cấp dịch vụ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích của Nhà nước Việt Nam, cơ quan nhà nước tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài:

Luật Đấu thầu năm 2023 chỉ cho phép lựa chọn luật sư để bảo vệ Nhà nước Việt Nam tại cơ quan tài phán nước ngoài mà chưa cho phép lựa chọn luật sư bảo vệ Nhà nước Việt Nam tại cơ quan điều tra áp dụng các biện pháp phòng vệ thương mại nước ngoài được áp dụng lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt¹¹. Hiện nay, khi số lượng các vụ việc phòng vệ thương mại gia tăng thì nhu cầu giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực phòng vệ thương mại cũng tăng lên¹² do khả năng các biện pháp vi phạm quy định của WTO hoặc các Hiệp định/thỏa thuận song phương/đa phương. Theo thống kê của WTO, các vụ việc giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực phòng vệ thương mại chiếm tỷ lệ đa số (55%) trong tổng số

¹¹ Ví dụ như trong các vụ việc phòng vệ thương mại đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam do Bộ Thương mại Hoa Kỳ khởi xướng, điều tra và ban hành mức thuế phòng vệ thương mại thì Bộ Thương mại Hoa Kỳ được xác định không phải là cơ quan tài phán nước ngoài hay quốc tế

¹² Giai đoạn 2001-2011 là 50 vụ, giai đoạn từ năm 2012 đến 06 tháng đầu năm 2024 có 202 vụ (tăng gần 4 lần). Riêng trong năm 2023 đã phát sinh 15 vụ việc mới do nước ngoài khởi xướng, bên cạnh nhiều vụ việc đang trong quá trình điều tra, hoặc thuộc diện rà soát hàng năm, rà soát cuối kỳ... Tính đến hết tháng 6 năm 2024, hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam là đối tượng của 252 vụ việc điều tra liên quan đến phòng vệ thương mại từ 24 thị trường.

các vụ việc giải quyết tranh chấp tại WTO. Điều này cho thấy các vụ việc phòng vệ thương mại thường gây nhiều tranh cãi giữa các thành viên WTO và rộng hơn là trong các khuôn khổ hiệp định thương mại song phương/đa phương (như CPTPP, RCEP...). Quy trình giải quyết tranh chấp tại WTO và các khuôn khổ này mang tính chất tố tụng pháp lý nên cần phải thuê luật sư có kinh nghiệm dày dặn, năng lực pháp lý và kiến thức chuyên sâu về quy định PVTM của WTO và quốc tế để bảo vệ quyền và lợi ích của Chính phủ và doanh nghiệp Việt Nam. Do vậy, nếu các gói thầu nêu trên phải lựa chọn nhà thầu theo các hình thức quy định tại Luật Đấu thầu sẽ gặp khó khăn về mặt thời gian, trình tự, thủ tục; trong khi đó, các gói thầu này cần được lựa chọn nhà thầu kịp thời, tránh ảnh hưởng đến quá trình thực hiện các nghiệp vụ công tác của cơ quan, đơn vị.

- Gói thầu mua thông tin của các hãng thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài, in ấn phẩm báo chí do các đơn vị sự nghiệp của Trung ương đảng, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện để thực hiện nhiệm vụ chính trị do Đảng và Nhà nước giao nhằm tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước

+ Gói thầu mua thông tin của các hãng thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài là hoạt động để đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ chính trị, thu thập thông tin ngoài nước từ các nguồn chính thống, tin cậy để đối chứng, cung cấp thông tin phục vụ yêu cầu lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và Nhà nước cũng như định hướng thông tin trong nước. Trên thực tế, tại mỗi khu vực, địa bàn trên thế giới chỉ có một hãng thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài có nguồn thông tin đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ của đơn vị, trong khi các hãng thông tấn, tổ chức báo chí nước ngoài không có nhu cầu tham gia hoạt động đấu thầu mà chỉ ký hợp đồng mua bán thông tin với khách hàng có nhu cầu.

+ Gói thầu in ấn phẩm báo chí do các đơn vị sự nghiệp của Trung ương đảng, cơ quan thuộc Chính phủ thực hiện là hoạt động yêu cầu về tính bảo mật và kiểm soát chất lượng thông tin, đảm bảo thông tin không bị sai lệch hay rò rỉ trước khi được phát hành, đồng thời yêu cầu gấp rút về mặt thời gian từ khi có bài viết, biên tập, hiệu đính, phê duyệt đến khâu in ấn, phát hành ấn phẩm cần nhanh chóng đưa thông tin tới các đồng chí lãnh đạo và độc giả; nếu tổ chức đấu thầu rộng rãi thì sẽ khó khăn trong việc kiểm tra, giám sát lại thông tin sau khi in và trước khi phát hành đối với doanh nghiệp in được trúng thầu, dẫn đến kéo dài quy trình, thời gian, nguồn nhân lực trong quá trình thực hiện in ấn và phát hành. Ngoài ra, việc cho phép áp dụng cơ chế đặc biệt đối với gói thầu này để giao cho các nhà in, công ty in trực thuộc sẽ tạo thuận lợi cho hoạt động xuất bản, phát hành các ấn phẩm của báo nhanh chóng, kịp thời (thời gian giao báo phải đảm bảo trước 5h sáng hàng ngày đến các điểm nhận báo), hiệu quả đến tay bạn đọc.

Do đó, để tháo gỡ vướng mắc, đẩy nhanh tiến độ thực hiện gói thầu có yêu cầu cấp bách và có tính đặc thù, riêng biệt, cần xem xét bổ sung các gói thầu nêu trên được áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 29 Luật Đấu thầu.

b) Về thẩm quyền quyết định lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt

Theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Luật Đấu thầu, trừ các gói thầu thuộc quyền quyết định lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt của Thủ tướng Chính phủ hoặc của Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu khác; Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định việc bổ sung trường hợp áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với gói thầu có điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu và không thuộc trường hợp quy định tại Luật Đấu thầu.

Để tiếp tục đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, tạo sự linh hoạt, chủ động, rút ngắn thời gian, quy trình, thủ tục trong việc quyết định áp dụng các gói thầu được lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt, cần xem xét sửa đổi quy định tại Điều 29 Luật Đấu thầu theo hướng:

- Giao cho người có thẩm quyền (người quyết định đầu tư hoặc quyết định việc mua sắm) tự quyết định và chịu trách nhiệm áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu thay vì Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

- Phân cấp để Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Chủ tịch UBND cấp tỉnh được chủ động trong việc quyết định và chịu trách nhiệm áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với gói thầu có yêu cầu bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại, biên giới lãnh thổ mà không cần trình Thủ tướng Chính phủ.

- Giao Thủ tướng Chính phủ quyết định việc bổ sung trường hợp áp dụng hình thức lựa chọn nhà thầu trong trường hợp đặc biệt đối với gói thầu có điều kiện đặc thù về quy trình, thủ tục, tiêu chí lựa chọn nhà thầu và không thuộc trường hợp quy định tại Luật Đấu thầu.

4.3. Về việc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế, đấu thầu trong nước

- Về đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế

Đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế là điều kiện tiên quyết của một số đối tác phát triển để tài trợ vốn cho Việt Nam và điều kiện này được đặt ra ngay trong quá trình đàm phán điều ước quốc tế, thỏa thuận vay. Tuy nhiên, Luật Đấu thầu năm 2023 (điểm a khoản 1 Điều 11, khoản 1 Điều 22) quy định đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế chỉ được thực hiện khi đáp ứng điều kiện “nhà tài trợ vốn cho dự án, gói thầu có yêu cầu tổ chức đấu thầu quốc tế, đấu thầu hạn chế trong điều ước quốc tế, thỏa thuận vay”.

Các hình thức này chỉ được thực hiện trong trường hợp điều ước quốc tế, thỏa thuận vay **đã ký kết** có quy định cho phép áp dụng; trong quá trình đàm phán các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, trường hợp có quy định

về đấu thầu khác hoặc chưa được quy định tại Luật Đấu thầu thì phải báo cáo Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến (Điều 3 Luật Đấu thầu).

Hiện nay, Việt Nam đã trở thành nước có thu nhập trung bình và phải vay với điều kiện gặt với thị trường, chỉ còn một số ít nước như Nhật Bản, Hàn Quốc (là 02 nhà tài trợ song phương lớn nhất cho Việt Nam) và một số nước châu Âu còn duy trì vốn ODA nhưng phải có điều kiện ràng buộc về đấu thầu hạn chế giữa các nhà thầu của nước tài trợ. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay, tổng số vốn vay Việt Nam đã huy động, trong đó nhà tài trợ yêu cầu áp dụng hình thức đấu thầu hạn chế là: 3,06 tỷ USD.

Ngoài ra, việc áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế đối với các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài là quy định của hầu hết các nhà tài trợ và tổ chức quốc tế nhằm đảm bảo tính cạnh tranh công bằng trong quá trình đấu thầu. Trong giai đoạn từ năm 2015 đến nay, tổng số vốn vay Việt Nam đã huy động trong đó nhà tài trợ yêu cầu áp dụng hình thức đấu thầu quốc tế là 16,57 tỷ USD.

- Về đấu thầu trong nước

Các nhà tài trợ đa phương (chủ yếu là Ngân hàng Thế giới - WB, Ngân hàng Phát triển châu Á - ADB ...) và các tổ chức tài chính quốc tế khác mà Việt Nam là thành viên đều có quy định bắt buộc về xuất xứ nhà thầu đối với đấu thầu trong nước (cho phép nhà thầu thuộc danh sách các quốc gia hợp lệ được tham dự thầu trong nước) trong khi Luật Đấu thầu quy định đấu thầu trong nước chỉ cho phép nhà thầu trong nước tham dự thầu. Trong giai đoạn từ 2024-2027, tổng danh mục vay vốn Ngân hàng Thế giới, Ngân hàng Phát triển châu Á cho Việt Nam trị giá 16,6 tỷ USD cho 45 dự án. Theo Quy chế mua sắm của các tổ chức này, yêu cầu về xuất xứ nhà thầu là không thể thay đổi và không thể đàm phán được đối với từng khoản vay cụ thể.

Việc không cho phép đấu thầu hạn chế, đấu thầu quốc tế, đấu thầu trong nước có sự tham gia của các nhà thầu nước ngoài đối với các gói thầu, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi sẽ làm vô hiệu các nguyên tắc cơ bản về ODA ràng buộc và ODA không ràng buộc đã được quy định tại Luật Quản lý nợ công. Nếu không xử lý được vấn đề này, các dự án đường sắt đô thị tại Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh đang sử dụng vốn vay của Nhật Bản, các dự án dự kiến sử dụng nguồn vốn vay ODA của Chính phủ Hàn Quốc (trong giai đoạn 2026-2030 là 02 tỷ USD) phải thực hiện các thủ tục trình duyệt của các cấp có thẩm quyền, phát sinh nhiều thủ tục hành chính và thời gian, làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện của các dự án. Trường hợp Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến thường mất 4-5 tháng dẫn đến làm kéo dài quá trình đàm phán, ký kết các điều ước quốc tế, thỏa thuận vay¹³.

¹³ Dự án hạ tầng ưu tiên và phát triển đô thị thích ứng với biến đổi khí hậu Thành phố Vinh, Nghệ An được Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội từ tháng 01/2024 và đến tháng 5/2024 Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thông báo kết luận đồng ý về một số khác biệt giữa quy định của IBRD và Luật Đấu thầu.

Do vậy, cần xem xét, sửa đổi quy định tại khoản 1 Điều 4, Điều 11 và Điều 22 Luật Đấu thầu để hài hòa hóa với quy định của các nhà tài trợ, góp phần tháo gỡ các vướng mắc, đẩy nhanh quá trình đàm phán, ký kết các dự án sử dụng vốn vay ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

4.4. Về quy định mua thuốc để bán lẻ tại các nhà thuốc bệnh viện công lập

Hiện nay, việc mua thuốc để bán lẻ tại các nhà thuốc bệnh viện đều sử dụng nguồn thu hợp pháp của cơ sở y tế và chủ đầu tư phải tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 2 Luật Đấu thầu năm 2023. Trường hợp tổ chức đấu thầu rộng rãi thì cơ sở y tế thường tổng hợp nhu cầu danh mục thuốc do quỹ bảo hiểm y tế chi trả của bệnh viện với danh mục thuốc bán lẻ tại nhà thuốc để tổ chức đấu thầu. Do vậy, với khối lượng mua sắm thuốc lớn, quá trình lựa chọn nhà thầu có thể bị kéo dài nên không đáp ứng kịp thời đối với hoạt động bán lẻ thuốc trong nhà thuốc bệnh viện. Trong trường hợp này cơ sở y tế thường lựa chọn hình thức mua sắm trực tiếp (áp giá) để mua thuốc bán lẻ tại nhà thuốc bệnh viện.

Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 25 Luật Đấu thầu, trường hợp chủ đầu tư áp dụng hình thức mua sắm trực tiếp thì chỉ được áp dụng 01 lần đối với 01 dự toán mua sắm nên chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu đặc thù của việc bán lẻ thuốc tại nhà thuốc bệnh viện như: bán thuốc theo nhu cầu điều trị của người bệnh, không dự trù trước được số lượng; cơ sở y tế cần phải mua ngay được các loại thuốc phù hợp với công tác khám bệnh, chữa bệnh của từng cơ sở y tế...

Do vậy, cần xem xét, sửa đổi quy định tại Điều 55 Luật Đấu thầu để tháo gỡ khó khăn cho hoạt động bán lẻ thuốc tại nhà thuốc bệnh viện, đẩy nhanh tiến độ mua sắm thuốc, bảo đảm chất lượng, phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh.

4.5. Về phương thức đấu thầu một giai đoạn hai túi hồ sơ

Luật Đấu thầu (khoản 1 Điều 31) quy định phương thức một giai đoạn hai túi hồ sơ được áp dụng trong trường hợp đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế đối với gói thầu cung cấp dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp, hỗn hợp đòi hỏi kỹ thuật cao theo quy định của pháp luật về khoa học, công nghệ.

Tuy nhiên, pháp luật về khoa học, công nghệ chưa có quy định về việc xác định gói thầu đòi hỏi kỹ thuật cao nên các chủ đầu tư gặp khó khăn trong việc xác định phương thức lựa chọn nhà thầu, đặc biệt là các gói thầu đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật cao, phức tạp trong lĩnh vực dầu khí, năng lượng...

Do vậy, cần bổ sung quy định tại khoản 1 Điều 31 Luật Đấu thầu để tháo gỡ vướng mắc nêu trên.

2.4.6. Một số nội dung khác

a) Về tư cách hợp lệ của nhà thầu, nhà đầu tư

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Luật Đấu thầu, nhà thầu, nhà đầu tư là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện, trong đó bao gồm đối

với nhà thầu, nhà đầu tư trong nước: là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đăng ký thành lập, hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Khi triển khai trong thực tế, có nhiều các tổ chức, đơn vị như đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI)... là các tổ chức, đơn vị có năng lực, kinh nghiệm có thể thực hiện các gói thầu thuộc lĩnh vực mình hoạt động nhưng không thuộc các đối tượng được nêu tại điểm a khoản 1 Điều 5 của Luật Đấu thầu nên không đủ tư cách để tham dự thầu.

b) Về thời gian lựa chọn nhà thầu

Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 Luật Đấu thầu, thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu đối với đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế tối thiểu là 18 ngày đối với đấu thầu trong nước, 35 ngày đối với đấu thầu quốc tế kể từ ngày đầu tiên hồ sơ mời thầu được phát hành đến ngày có thời điểm đóng thầu; đối với gói thầu xây lắp, hỗn hợp có giá gói thầu không quá 20 tỷ đồng, gói thầu mua sắm hàng hóa, dịch vụ phi tư vấn có giá gói thầu không quá 10 tỷ đồng thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu tối thiểu là 09 ngày đối với đấu thầu trong nước, 18 ngày đối với đấu thầu quốc tế.

Việc quy định các mốc thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu giữa các lĩnh vực như trên chưa được thống nhất và cũng gây một số khó khăn nhất định cho các chủ đầu tư, đặc biệt trong các trường hợp dự án, gói thầu cần triển khai gấp. Đối với lựa chọn tư vấn trong nước, có những gói thầu giá trị thấp, đơn giản, ví dụ như lựa chọn tư vấn đấu thầu, lựa chọn tư vấn lập dự toán, tư vấn giám sát... thì thời gian chuẩn bị hồ sơ dự thầu vẫn quy định là 18 ngày nên thời gian lựa chọn nhà thầu thường bị kéo dài.

Do vậy, cần phải sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 và điểm b khoản 1 Điều 45 Luật Đấu thầu để bảo đảm quyền lợi của các đối tượng trong quá trình tham dự thầu và rút ngắn thời gian thực hiện gói thầu.

c) Về gói thầu chỉ định thầu cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 41 Luật Dự trữ quốc gia năm 2012, trường hợp không thể áp dụng đấu thầu rộng rãi hoặc chào hàng cạnh tranh do tính chất đột xuất, cấp bách, yêu cầu thời vụ, thời điểm đối với gói thầu mua hàng dự trữ quốc gia là thuốc phòng, chống dịch bệnh, hóa chất sát trùng, thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng thì được áp dụng hình thức chỉ định thầu.

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu năm 2023, gói thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, thuốc, hóa chất, vật tư xét nghiệm, thiết bị y tế, linh kiện, phụ kiện, phương tiện, xây lắp cần triển khai ngay để phục vụ công tác phòng, chống dịch bệnh được áp dụng hình thức chỉ định thầu. Quy định nêu trên chưa bao gồm thuốc bảo vệ thực vật, hạt giống cây trồng, hóa chất sát trùng theo quy định tại Luật Dự trữ quốc gia, dẫn đến vướng mắc trong hoạt động dự trữ

quốc gia của ngành nông nghiệp trong công tác phòng, chống dịch bệnh.

Do vậy, cần sửa đổi, bổ sung quy định tại điểm c khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu để tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm thống nhất, đồng bộ trong các quy định của hai Luật về trường hợp chỉ định thầu đối với gói thầu mua hàng dự trữ quốc gia.

d) Về căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và điều kiện chỉ định thầu đối với gói thầu quy hoạch

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 38 và điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Đấu thầu, một trong các căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu và điều kiện chỉ định thầu là phải có *quyết định đầu tư* được phê duyệt. Tuy nhiên, pháp luật về quy hoạch chỉ có quyết định phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch và quyết định phê duyệt quy hoạch, không có khái niệm "*quyết định đầu tư*" dẫn đến khi triển khai, chủ đầu tư gặp khó khăn trong việc xác định điều kiện chỉ định thầu và căn cứ lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Do đó, cần phải sửa đổi các quy định nêu trên của Luật Đấu thầu để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với pháp luật về quy hoạch.

đ) Về việc lựa chọn nhà thầu cung cấp dịch vụ tư vấn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ phi tư vấn phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu

Theo quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 Luật Đấu thầu, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp được tự quyết định việc lựa chọn nhà thầu trên cơ sở bảo đảm công khai, minh bạch, hiệu quả kinh tế và trách nhiệm giải trình trong trường hợp lựa chọn nhà thầu cung cấp *dịch vụ tư vấn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, dịch vụ phi tư vấn* phục vụ trực tiếp cho gói thầu mà đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu.

Quy định nêu trên của Luật Đấu thầu chỉ áp dụng đối với trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập đã trúng thầu mà chưa bao gồm hoạt động dịch vụ mà đơn vị sự nghiệp được lựa chọn không thông qua đấu thầu (ví dụ như bệnh viện công lập được các công ty ký hợp đồng trực tiếp để cung cấp dịch vụ khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; Đài truyền hình cung cấp dịch vụ quảng cáo cho doanh nghiệp...). Đồng thời, quy định này chỉ áp dụng đối với việc lựa chọn nhà thầu để cung cấp dịch vụ tư vấn, phi tư vấn, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, chưa bao gồm các loại hàng hóa khác, dẫn đến khó khăn trong việc mua sắm để phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập (ví dụ bệnh viện công lập mua vật tư, hóa chất xét nghiệm để thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ khám sức khỏe).

Do vậy, dự thảo Luật cần sửa đổi quy định tại điểm d khoản 7 Điều 3 để tạo sự chủ động, linh hoạt, thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Trên đây là báo cáo về tình hình thi hành và khó khăn, vướng mắc liên quan

đến một số quy định của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Ủy ban Kinh tế;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ (để p/h);
- Các đơn vị: Cục QLĐT, Vụ QLQH;
- Lưu: VT, PC (Hàng).

BỘ TRƯỞNG



*** Nguyễn Chí Dũng**